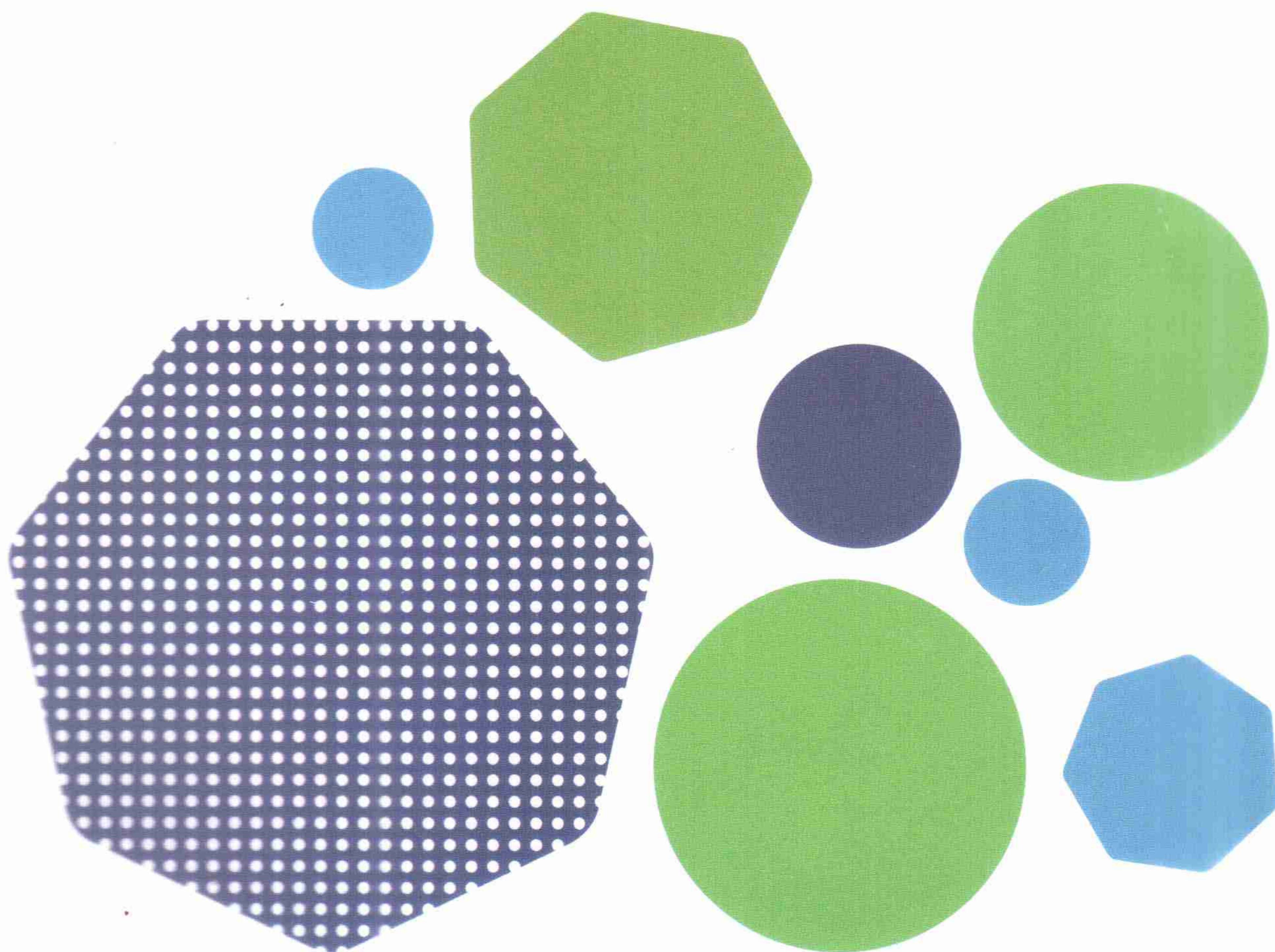


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 từ trang 6 đến trang 34 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính 2014 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Võ Phước Hồng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY ACA).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp)

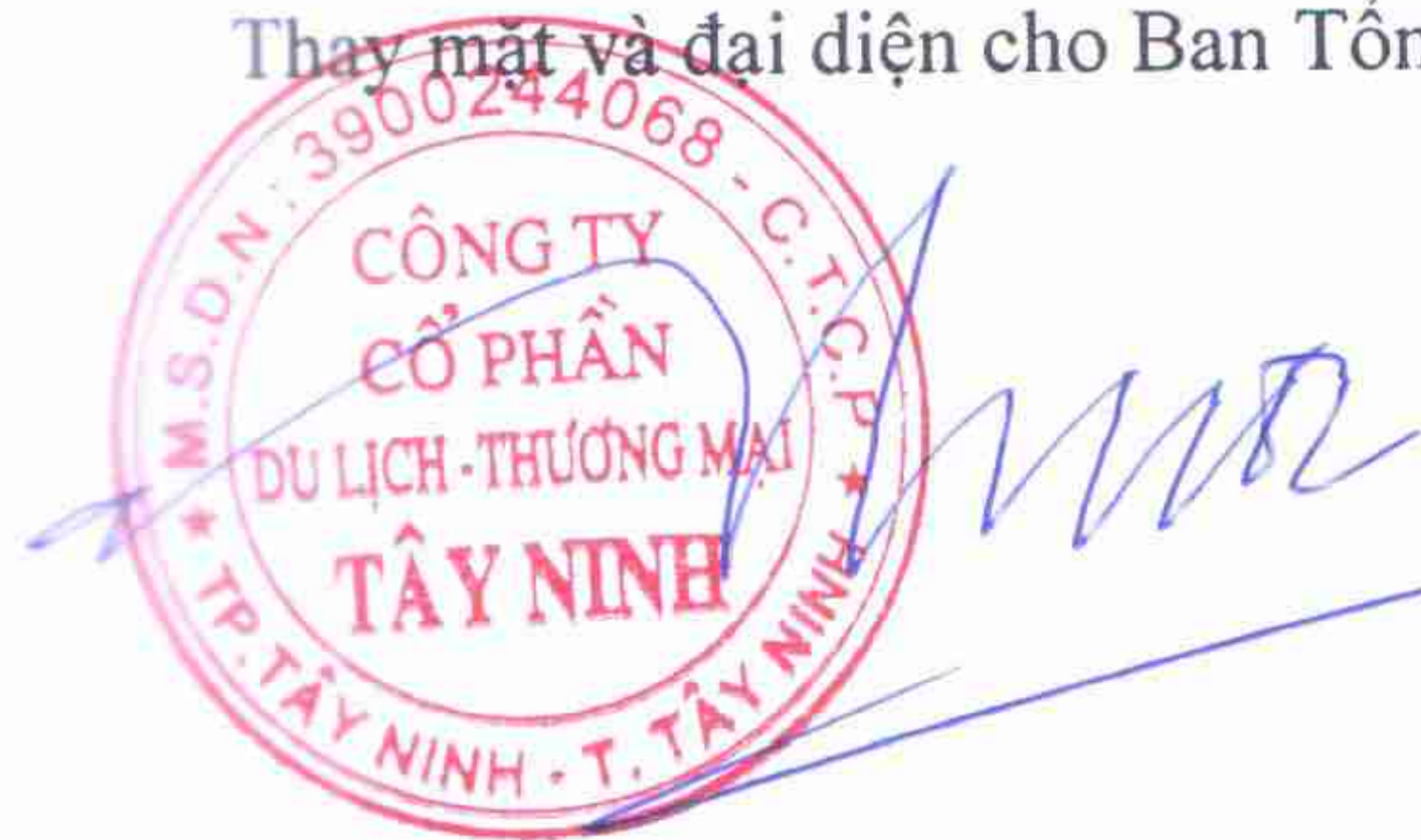
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2015

Số: 10/2015/UHYACA/HCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh, được lập ngày 06/4/2015, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2015

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.336.959.524	107.748.642.676
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	41.545.716.753	58.926.406.555
Tiền	111		2.845.716.753	6.826.406.555
Các khoản tương đương tiền	112		38.700.000.000	52.100.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	41.900.000.000	5.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		41.900.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.424.880.719	26.936.954.703
Phải thu khách hàng	131		1.754.667.416	1.304.939.841
Trả trước cho người bán	132		8.816.011.965	24.164.379.121
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	7	2.331.976.168	1.527.635.741
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(477.774.830)	(60.000.000)
Hàng tồn kho	140	8	16.069.385.939	11.384.407.556
Hàng tồn kho	141		16.138.550.957	11.384.407.556
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(69.165.018)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.396.976.113	5.500.873.862
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	463.226.876	514.704.784
Thuế GTGT được khấu trừ	152		864.346.149	1.966.062.210
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	4.968.256.338	446.993.558
Tài sản ngắn hạn khác	158	11	2.101.146.750	2.573.113.310
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.474.581.970	158.666.786.456
Tài sản cố định	220		132.886.049.201	151.800.071.446
Tài sản cố định hữu hình	221	12	131.072.848.459	147.469.146.628
- Nguyên giá	222		224.998.327.939	235.177.780.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.925.479.480)	(87.708.634.134)
Tài sản cố định vô hình	227	13	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	228		169.982.388	169.982.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	1.643.218.354	4.160.942.430
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.806.730.378	4.195.416.607
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	13.806.730.378	4.195.416.607
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.781.802.391	2.671.298.403
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.196.687.374	1.406.576.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		35.115.017	714.722.023
Tài sản dài hạn khác	268		550.000.000	550.000.000
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		268.811.541.494	266.415.429.132

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		11.669.342.706	35.385.927.006
Nợ ngắn hạn	310		11.328.723.489	21.330.687.296
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	6.399.000.000
Phải trả người bán	312		1.541.215.862	2.716.559.573
Người mua trả tiền trước	313		4.209.000	65.053.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		12.665.163	1.695.148.768
Phải trả người lao động	315		5.613.237.133	5.532.197.936
Chi phí phải trả	316	17	274.576.464	1.169.008.591
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2.930.436.478	2.826.626.281
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		952.383.389	927.092.647
Nợ dài hạn	330		340.619.217	14.055.239.710
Phải trả dài hạn khác	333		234.985.500	251.654.500
Vay và nợ dài hạn	334		-	12.284.201.645
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.368.868.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		105.633.717	150.515.565
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		257.142.198.788	231.029.502.126
Vốn chủ sở hữu	410	19	152.470.739.743	130.114.465.796
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		36.910.787.779	70.738.314.925
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.115.606.096	7.945.727.325
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		48.915.600.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.826.645.868	5.728.323.546
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	20	104.671.459.045	100.915.036.330
TỔNG NGUỒN VỐN	440		268.811.541.494	266.415.429.132

Tây Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

VÕ PHƯỚC HỒNG

LÊ HỮU PHƯỚC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	281.035.001.378	249.164.592.314
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	21	2.037	2.327
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	281.034.999.341	249.164.589.987
Giá vốn hàng bán	11	22	176.436.213.140	157.577.083.567
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.598.786.201	91.587.506.420
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.503.378.318	5.717.292.900
Chi phí tài chính	22	24	870.656.050	1.103.181.836
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>830.156.050</i>	<i>981.064.161</i>
Chi phí bán hàng	24	25	23.528.849.311	26.015.797.616
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	14.775.024.378	16.614.582.105
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.927.634.780	53.571.237.763
Thu nhập khác	31	27	4.085.337.128	1.339.315.286
Chi phí khác	32	28	131.725.279	460.352.617
Lợi nhuận khác	40		3.953.611.849	878.962.669
Phần lợi nhuận (lỗ) trong cty liên kết, liên doanh	45		(639.696.191)	(525.084.471)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.241.550.438	53.925.115.961
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	15.508.891.897	16.135.587.705
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		679.607.006	(34.611.171)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		59.053.051.535	37.824.139.427
<i>Lợi ích sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61		<i>27.146.483.920</i>	<i>22.743.110.302</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	62		<i>31.906.567.615</i>	<i>15.081.029.125</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	6.981	3.300

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tây Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2015

Giám đốc

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

VÔ PHƯỚC HỒNG

LÊ HỮU PHƯỚC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	75.241.550.438	53.925.115.961
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2	19.535.178.298	18.814.355.947
Các khoản dự phòng	3	486.939.848	50.000.000
(Lãi), lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(30.259)	-
(Lãi), lỗ hoạt động đầu tư	5	(7.157.445.615)	(5.609.600.308)
Chi phí lãi vay	6	830.156.050	981.064.161
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	88.936.348.760	68.160.935.761
(Tăng), giảm các khoản phải thu	9	(3.721.409.406)	(905.511.323)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(4.868.484.058)	(2.012.774.889)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	9.301.903.224	(9.952.595.110)
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(779.764.018)	1.206.080.742
Tiền lãi vay đã trả	13	(830.156.050)	(1.539.876.795)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.784.061.989)	(19.614.552.267)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.057.843.946	13.371.630.388
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(12.052.475.645)	(21.965.088.419)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.259.744.764	26.748.248.088
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.518.881.879)	(53.652.055.022)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	470.909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.821.500.000)	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	549.276.500	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.331.728.554	5.173.480.065
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(63.459.376.825)	(53.007.665.866)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.022.200.000	23.596.916.645
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.720.200.000)	(10.685.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.483.088.000)	(5.481.736.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.181.088.000)	7.430.180.645
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.380.720.061)	(18.829.237.133)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	58.926.406.555	77.755.643.688
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	30.259	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	41.545.716.753	58.926.406.555

Tây Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

VÕ PHƯỚC HỒNG

LÊ HỮU PHƯỚC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 329/QĐ-CT ngày 13/4/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/3/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 01 tháng 8 năm 2014 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 của Công ty là 45.702.100.000 đồng được chia thành 4.570.210 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bia, nước giải khát, hàng nông sản, kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

1.3 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO**Danh sách các Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh
Trụ sở chính : Phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 127.880.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 51%.
2. Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh
Trụ sở chính : Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 86,06%.

Danh sách các Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh
Trụ sở chính : Quốc lộ 22B, xã Long Thành Nam, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ : 9.298.300.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 36,27%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.3 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO (TIẾP)**Danh sách các Công ty liên kết****2. Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh**

Trụ sở chính : 436 Đường 30/4, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ : 32.700.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 28,37%

2 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Thời điểm Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh là 15/7/2014. Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh không lập báo cáo tài chính tại thời điểm này, và các nghiệp vụ phát sinh từ 01/07/2014 đến 15/7/2014 là không đáng kể, nên Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014. Đồng thời, khoản đầu tư vào công ty này được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN*****Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí thuê kho trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 12 tháng và các khoản đầu tư dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty xác định tương đối chắc chắn dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, quyền kiểm soát (chi phối) và kế hoạch chia lợi nhuận các đơn vị nhận đầu tư.

4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế (năm 2013 là 25%). Riêng Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động thương mại, hoạt động vận chuyển, hoạt động nhà hàng khách sạn, hoạt động du lịch lữ hành và hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	667.048.705	1.296.288.722
Tiền gửi ngân hàng	2.178.668.048	5.530.117.833
Các khoản tương đương tiền (*)	38.700.000.000	52.100.000.000
Cộng	41.545.716.753	58.926.406.555

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5%/năm (năm 2013: lãi suất từ 6,5% - 9%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (*)

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
NH NN & Phát Triển Nông Thôn Tây Ninh	-	3.000.000.000
Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh (**)	9.400.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	13.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tây Ninh	4.000.000.000	-
Ngân hàng Công thương Tây Ninh	4.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	6.000.000.000	-
Ngân hàng Bản Việt Tây Ninh	5.000.000.000	-
Cộng	41.900.000.000	5.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP) (*)

(**) Trong đó, số tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 đồng đã được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hòa Thành theo các hợp đồng như sau:

Số hợp đồng cầm cố ký quỹ	Số tiền	Thời hạn bảo lãnh	Nội dung
14026060	600.000.000	Từ 24/12/2014 đến 23/12/2015	Bảo lãnh cược vỡ chai kết rỗng với CN Cty CP Thương mại bia SG Miền đông tại Tây Ninh theo Hợp đồng bảo lãnh số 2014/0002731
14021836	400.000.000	Từ 17/6/2014 đến 11/6/2014	Bảo lãnh cược vỡ chai kết rỗng với CN Cty CP Thương mại bia SG Miền đông tại Tây Ninh theo Hợp đồng bảo lãnh số 2014/0001073

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Cổ tức phải thu Công ty Gạch Ngói Tây Ninh	337.220.000	337.220.000
Lãi dự thu ngân hàng	1.379.243.334	802.611.108
Tiền thuế thu nhập cá nhân	109.675.454	36.963.190
Công ty Bảo Hiểm PVI Bình Dương	26.480.000	-
Các khoản phải thu khác	479.357.380	350.841.443
Cộng	2.331.976.168	1.527.635.741

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.884.352.834	1.559.001.659
Công cụ, dụng cụ	3.050.234.926	3.708.541.108
Hàng hoá	9.203.963.197	6.116.864.789
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	16.138.550.957	11.384.407.556
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(69.165.018)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho	16.069.385.939	11.384.407.556

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê kho	-	34.090.908
Chi phí vật tư sửa chữa	110.167.789	207.734.148
Chi phí in vé	270.266.768	230.520.790
Công cụ dụng cụ	82.792.319	42.358.938
Cộng	463.226.876	514.704.784

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	182.000.000	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.559.107.813	446.993.558
Thuế thu nhập cá nhân	134.674.025	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	92.474.500	-
Cộng	4.968.256.338	446.993.558

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	314.919.367	372.768.367
Tạm ứng	262.540.961	398.022.521
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.523.686.422	1.802.322.422
Cộng	2.101.146.750	2.573.113.310

HỢP NHẤT

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2014	69.660.079.026	155.629.221.057	3.760.979.242	4.801.076.312	1.326.425.125	235.177.780.762
- Mua trong năm	30.500.000	490.181.818	1.028.466.000	31.696.364	69.540.000	1.650.384.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	25.419.852.279	1.059.654.508	1.292.302.818	1.351.426.132	471.373.416	29.594.609.153
Tạm tăng từ XDCB	5.727.361.947	-	-	-	-	5.727.361.947
Tăng do phân loại lại	1.031.568.390	8.481.426.324	2.284.644.124	453.558.232	102.389.028	12.353.586.098
Giảm do phân loại lại	(523.468.588)	(11.595.117.510)	-	-	(235.000.000)	(12.353.586.098)
Giảm do thoái vốn	(40.814.119.143)	(3.687.139.673)	(881.266.165)	(1.556.328.729)	-	(46.938.853.710)
Giảm khác	(20.885.000)	(192.069.395)	-	-	-	(212.954.395)
Tại 31/12/2014	60.510.888.911	150.186.157.129	7.485.126.019	5.081.428.311	1.734.727.569	224.998.327.939
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2014	26.895.104.493	58.858.655.648	1.033.370.089	774.123.335	147.380.569	87.708.634.134
- Khấu hao trong năm	5.868.611.875	11.804.021.197	686.597.151	983.146.024	213.687.051	19.556.063.298
- Tăng do phân loại lại	80.885.885	-	954.263.089	-	-	1.035.148.974
- Giảm do thoái vốn	(11.460.129.752)	(1.401.481.452)	(200.078.515)	(256.643.233)	-	(13.318.332.952)
- Giảm do phân loại lại	-	(1.010.144.329)	(64.372)	(10.580.664)	(14.359.609)	(1.035.148.974)
- Giảm khác	(20.885.000)	-	-	-	-	(20.885.000)
Tại 31/12/2014	21.363.587.501	68.251.051.064	2.474.087.442	1.490.045.462	346.708.011	93.925.479.480
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2014	42.764.974.533	96.770.565.409	2.727.609.153	4.026.952.977	1.179.044.556	147.469.146.628
Tại 31/12/2014	39.147.301.410	81.935.106.065	5.011.038.577	3.591.382.849	1.388.019.558	131.072.848.459

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 58.517.977.977 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Cải tạo nhà hàng, khách sạn	-	1.846.674.657
Chi phí sửa chữa văn phòng công ty	-	1.709.110.921
Chi phí xây lắp khu bán đồ cúng, đồ lưu niệm	1.314.390.000	-
Chi phí xây dựng dở dang khác	328.828.354	605.156.852
Cộng	1.643.218.354	4.160.942.430

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh (1)	3.545.652.757	4.195.416.607
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (2)	10.261.077.621	-
Cộng	13.806.730.378	4.195.416.607

Ghi chú:

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 36,3% vốn điều lệ của Công ty này.

(2) Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh đã phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ 1:1. Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh đã chuyển nhượng quyền mua số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho Bà Nguyễn Thị Sáng theo Hợp đồng ngày 16/7/2014. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty từ 53,87% đã giảm xuống 28,37%.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Chi phí bảo hiểm xe, phí đường bộ	11.780.262	19.015.074
Chi phí công cụ, dụng cụ	672.933.137	780.697.900
Chi phí thuê kho	409.090.910	-
Phí thay cáp tuyến máng trượt, hộp số cáp treo	-	458.946.989
Chi phí trả trước dài hạn khác	102.883.065	147.916.417
Cộng	1.196.687.374	1.406.576.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phí kiểm toán, tư vấn	90.500.000	95.454.545
Chi phí khoán phòng kinh doanh	50.096.464	75.084.721
Tạm trích khấu hao tài sản cố định	-	716.109.890
Chi phí lãi vay	-	76.017.788
Chi phí khác	133.980.000	206.341.647
Cộng	274.576.464	1.169.008.591

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	65.469.304	87.023.994
Bảo hiểm xã hội	6.185.830	27.362.822
Tiền thế chấp phải trả	1.892.782.250	1.723.602.250
Bảo hành công trình	324.871.403	89.302.503
Cổ tức phải trả	38.260.000	37.096.000
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt nam	479.706.783	466.726.200
Bà Nguyễn Thị Sáng	-	189.075.000
Các khoản phải trả khác	123.160.908	206.437.512
Cộng	2.930.436.478	2.826.626.281

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 45.702.100.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ bảy trăm lẻ hai triệu một trăm ngàn đồng chẵn), chia thành 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Chi tiết vốn đầu tư của Công ty như sau:

	Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	80,8%	36.942.300.000	77,6%	35.442.300.000
Cty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	4,3%	1.978.800.000	4,3%	1.978.800.000
Cty TNHH Nhà nước MTV Xô số Kiến Thiết Tây Ninh	0,0%	-	3,3%	1.500.000.000
Ông Lê Hữu Phước	0,1%	29.000.000	0,1%	29.000.000
Các cổ đông khác	14,8%	6.752.000.000	14,8%	6.752.000.000
Cộng	100%	45.702.100.000	100%	45.702.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.702.089.498	45.702.089.498
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.502
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.702.100.000	45.702.100.000

19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2014 Cổ phiếu	Tại 01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu thường	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu thường	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01//2013	45.702.089.498	52.405.513.222	7.324.117.665	-	23.425.669.395	128.857.389.780
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	15.081.029.125	15.081.029.125
- Chi cổ tức năm trước	-	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS năm trước	-	-	-	-	(1.021.886.096)	(1.021.886.096)
- Trích các quỹ năm trước	-	18.332.801.703	621.620.162	-	(26.272.236.878)	(7.317.815.013)
- Điều chỉnh vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.502	-	(10.502)	-	-	-
Tại 31/12/2013	45.702.100.000	70.738.314.925	7.945.727.325	-	5.728.323.546	130.114.465.796
Tại 01/01/2014	45.702.100.000	70.738.314.925	7.945.727.325	-	5.728.323.546	130.114.465.796
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	31.906.567.615	31.906.567.615
- Chi cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS năm nay	-	-	-	-	(981.607.527)	(981.607.527)
- Trích các quỹ năm nay	-	13.102.684.486	-	-	(15.245.721.789)	(2.143.037.303)
- Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính	-	2.750.612.098	(2.750.612.098)	-	-	-
- Giảm do thoái vốn công ty con	-	(765.223.730)	(236.195.281)	-	903.336.023	(98.082.988)
- Giảm quỹ đầu tư phát triển	-	(48.915.600.000)	-	48.915.600.000	-	-
- Giảm quỹ dự phòng tài chính (*)	-	-	(843.313.850)	-	-	(843.313.850)
Tại 31/12/2014	45.702.100.000	36.910.787.779	4.115.606.096	48.915.600.000	16.826.645.868	152.470.739.743

(*) Công ty tạm xử lý khoản đầu tư vào các dự án Xa Mát, Mộc Bài và Ma Thiên Lãnh theo Biên bản họp thẩm định mức trích lập các khoản dự phòng ngày 27/12/2014. Các khoản xử lý này sẽ trình Đại Hội đồng cổ đông năm 2015 phê duyệt.

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Số đầu năm	100.915.036.330	91.399.593.709
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số trong năm	27.146.483.920	22.743.110.302
Chia cổ tức từ lợi ích cổ đông thiểu số	(14.123.407.530)	(11.438.757.513)
Trích thưởng, thù lao HĐQT, BKS từ lợi ích cổ đông thiểu số	(631.592.473)	(702.413.904)
Trích quỹ từ lợi ích cổ đông thiểu số	(1.561.085.883)	(1.086.496.264)
Giảm do thoái vốn công ty con	(7.073.975.319)	-
Số cuối năm	104.671.459.045	100.915.036.330

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.035.001.378	249.164.592.314
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động vận chuyển	109.297.671.850	100.127.434.637
Doanh thu thương mại	150.349.154.604	121.513.609.064
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	8.821.201.505	18.191.840.165
Doanh thu dịch vụ du lịch	11.475.293.659	9.331.708.448
Doanh thu khác	1.091.679.760	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.037	2.327
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.034.999.341	249.164.589.987

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hoạt động vận chuyển	21.240.881.500	18.094.948.394
Giá vốn thương mại	141.130.644.780	121.918.854.877
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	3.979.692.750	9.961.815.539
Giá vốn dịch vụ du lịch	9.607.354.825	7.601.464.757
Giá vốn khác	477.639.285	-
Cộng	176.436.213.140	157.577.083.567

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi trả chậm cổ tức	5.908.360.780	5.675.020.343
Lãi do thoái vốn công ty con	549.276.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.393.356	41.743
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.259	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	44.317.423	42.230.814
Cộng	6.503.378.318	5.717.292.900

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	830.156.050	981.064.161
Chi phí tư vấn, đấu giá	40.500.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	122.117.675
Cộng	870.656.050	1.103.181.836

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	15.866.579.494	15.711.959.760
Chi phí dụng cụ đồ dùng	2.449.600.813	1.787.846.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	448.593.773	309.421.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	938.837.487	1.867.157.492
Chi phí bằng tiền khác	3.825.237.744	6.339.412.165
Cộng	23.528.849.311	26.015.797.616

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.104.271.301	8.757.722.439
Chi phí công cụ dụng cụ	427.978.044	167.565.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.387.580	714.854.196
Thuế phí, lệ phí	1.426.058.461	2.936.895.200
Chi phí dự phòng	417.774.830	60.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.916.756	744.114.585
Chi phí bằng tiền khác	2.865.637.406	3.233.430.395
Cộng	14.775.024.378	16.614.582.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, công cụ dụng cụ	1.348.954.526	612.530.727
Xử lý công nợ phải trả	609.776.392	55.252.117
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.368.868.000	-
Thu nhập từ tài trợ, hàng tặng	218.705.220	-
Thưởng doanh số, chiết khấu bán vé	63.113.566	15.042.892
Thu nhập khác	475.919.424	656.489.550
Cộng	4.085.337.128	1.339.315.286

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	11.244.655
Chi phí phạt thuế	13.335.260	117.836.261
Chi phí khác	118.390.019	331.271.701
Cộng	131.725.279	460.352.617

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.241.550.438	53.925.115.961
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	(539.631.626)	7.122.661.863
Các khoản điều chỉnh tăng	333.722.977	6.656.582.295
- Lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	-	726.069.507
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	333.722.977	5.930.512.788
Các khoản điều chỉnh giảm	(873.354.603)	466.079.568
- Lợi nhuận điều chỉnh khi hợp nhất	6.363.030	14.561.546.000
- Phần lợi nhuận/ (lỗ) trong công ty liên kết	639.696.191	525.084.471
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(1.519.413.824)	(14.620.550.903)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	74.701.918.812	61.047.777.824
Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	15.496.391.897	16.051.278.043
Thuế TNDN truy thu các năm trước	12.500.000	84.309.662
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.508.891.897	16.135.587.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	31.906.567.615	15.081.029.125
Số điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.906.567.615	15.081.029.125
Số cổ phiếu lưu hành bình quân (cổ phiếu)	4.570.210	4.570.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	6.981	3.300

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	1.541.215.862	-	-	1.541.215.862
Chi phí phải trả	274.576.464	-	-	274.576.464
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.820.521.344	-	-	2.820.521.344
Cộng	4.636.313.670	-	-	4.636.313.670
Tại 01/01/2014				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	6.399.000.000	12.284.201.645	-	18.683.201.645
Phải trả người bán	2.716.559.573	-	-	2.716.559.573
Chi phí phải trả	452.898.701	-	-	452.898.701
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.662.426.477	-	-	2.662.426.477
Cộng	12.230.884.751	12.284.201.645	-	24.515.086.396

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	41.545.716.753	-	-	41.545.716.753
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.900.000.000	-	-	41.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.608.868.754	-	-	3.608.868.754
Ký quỹ, ký cược	2.073.686.422	-	-	2.073.686.422
Cộng	89.128.271.929	-	-	89.128.271.929
Tại 01/01/2014				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	58.926.406.555	-	-	58.926.406.555
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.735.612.392	-	-	2.735.612.392
Ký quỹ, ký cược	2.352.322.422	-	-	2.352.322.422
Cộng	69.014.341.369	-	-	69.014.341.369

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động thương mại, hoạt động nhà hàng, khách sạn, hoạt động du lịch, lữ hành, hoạt động vận chuyển và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra tại khu vực kinh doanh của Công ty (Tỉnh Tây Ninh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2014	Hoạt động thương mại	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động nhà hàng, khách sạn	Hoạt động du lịch, lữ hành	Hoạt động khác	Không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	150.349.154.604	109.297.671.850	8.821.199.468	11.475.293.659	1.091.679.760	-	281.034.999.341
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	40.283.043.387	2.454.545	-	-	20.158.779	(40.305.656.711)	-
Tổng doanh thu thuần	190.632.197.991	109.300.126.395	8.821.199.468	11.475.293.659	1.111.838.539	(40.305.656.711)	281.034.999.341
Chi phí bộ phận	(150.496.284.649)	(44.236.225.643)	(8.316.223.383)	(11.213.713.869)	(477.639.285)	-	(214.740.086.829)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(44.782.294.949)	(1.380.111.520)	-	(111.036.364)	-	46.273.442.833	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(4.646.381.607)	63.683.789.232	504.976.085	150.543.426	634.199.254	5.967.786.122	66.294.912.512
Doanh thu tài chính	987.739.267	5.435.295.495	3.046.965	77.296.591	-	-	6.503.378.318
Chi phí tài chính	(48.538.265)	(43.235.889)	(778.881.896)	-	-	-	(870.656.050)
Thu nhập khác	2.337.549.792	1.671.750.770	2.450.000	73.586.566	-	-	4.085.337.128
Chi phí khác	(97.575.000)	(13.335.260)	-	(20.815.019)	-	-	(131.725.279)
Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	-	-	-	-	-	(639.696.191)	(639.696.191)
Lợi nhuận trước thuế	(1.467.205.813)	70.734.264.348	(268.408.846)	280.611.564	634.199.254	5.328.089.931	75.241.550.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(15.452.775.636)	-	(56.116.261)	-	-	(15.508.891.897)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(334.876.132)	(344.730.874)	-	-	-	-	(679.607.006)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.802.081.945)	54.936.757.838	(268.408.846)	224.495.303	634.199.254	5.328.089.931	59.053.051.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP).

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Năm 2013	Hoạt động thương mại	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động nhà hàng, khách sạn	Hoạt động du lịch, lữ hành	Hoạt động khác	Không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	121.513.609.064	100.127.434.637	18.191.837.838	9.331.708.448	-	-	249.164.589.987
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	50.524.265.820	108.270.000	2.904.676.423	-	-	(53.537.212.243)	-
Tổng doanh thu thuần	172.037.874.884	100.235.704.637	21.096.514.261	9.331.708.448	-	(53.537.212.243)	249.164.589.987
Chi phí bộ phận	(130.333.034.634)	(40.281.770.186)	(20.453.427.552)	(9.139.230.916)	-	-	(200.207.463.288)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(50.485.882.404)	(1.491.191.366)	4.516.137.499	(160.525.457)	-	47.621.461.728	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(8.781.042.154)	58.462.743.085	5.159.224.208	31.952.075	-	(5.915.750.515)	48.957.126.699
Doanh thu tài chính	707.255.751	4.959.986.154	6.431.699	43.619.296	-	-	5.717.292.900
Chi phí tài chính	(18.265.326)	(148.506.564)	(936.409.946)	-	-	-	(1.103.181.836)
Thu nhập khác	689.932.304	366.149.856	6.258.000	276.975.126	-	-	1.339.315.286
Chi phí khác	(320.522.128)	(117.836.261)	(8.604.252)	(13.389.976)	-	-	(460.352.617)
Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	-	-	-	-	-	(525.084.471)	(525.084.471)
Lợi nhuận trước thuế	(7.722.641.553)	63.522.536.270	4.226.899.709	339.156.521	-	(6.440.834.986)	53.925.115.961
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(16.059.280.492)	-	(76.307.213)	-	-	(16.135.587.705)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	35.407.628	-	-	-	-	35.407.628
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(429.606)	(366.851)	-	-	-	-	(796.457)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.723.071.159)	47.498.296.555	4.226.899.709	262.849.308	-	(6.440.834.986)	37.824.139.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các công ty liên doanh, liên kết, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

Các bên liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
- Cổ tức đã trả

Năm 2014
VND

Năm 2013
VND

4.253.076.000

4.253.076.000

Số dư với các bên liên quan

Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
- Phải thu tiền bán hàng

Tại 31/12/2014
VND

Tại 01/01/2014
VND

32.674.000

-

Cty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh
- Cổ tức phải thu

337.220.000

337.220.000

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc
Cộng

Năm 2014
VND

Năm 2013
VND

1.016.581.799

1.064.558.496

1.016.581.799

1.064.558.496

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 Những khoản nợ tiềm tàng

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho số 02/HĐTK ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Tây Ninh, thời hạn 24 tháng bắt đầu từ ngày 15 tháng 02 năm 2012, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 25.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m² đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:
 - Từ 27/3/2006 – 26/3/2011: 9.750 đồng/m²/năm.
 - Từ 27/3/2011 – 26/3/2016: 45.360 đồng/m²/năm.
 - Sau ngày 26/3/2016: đơn giá thuê được tính lại theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

34.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.4 Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

Tây Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

VÔ PHƯỚC HỒNG

LÊ HỮU PHƯỚC

